

Phát huy vai trò của nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với nền kinh tế Việt Nam

Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận trong thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) sau gần 40 năm Đổi mới và mở cửa. FDI đã trở thành nguồn vốn quan trọng bổ sung cho sự phát triển của nền kinh tế, giúp Việt Nam tiếp cận công nghệ mới, nâng cao trình độ quản lý, mở rộng thị trường xuất khẩu, tạo công ăn việc làm và thu nhập cho một bộ phận lớn người lao động...

QUÁ TRÌNH THU HÚT FDI VÀO VIỆT NAM

Trong hơn 35 năm thu hút đầu tư nước ngoài, *giai đoạn 1988-1990* được coi là giai đoạn khởi động. Kinh tế Việt Nam mở ra chương mới với chủ trương hội nhập kinh tế, đánh dấu làn sóng đầu tư trực tiếp nước ngoài đầu tiên. Giai đoạn này, số lượng dự án đầu tư nước ngoài còn khá khiêm tốn. Tuy nhiên, các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư nước ngoài, trong đó có Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam đã giúp kinh tế Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng cao, đóng góp vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy xuất - nhập khẩu...

Giai đoạn 1991-2000, theo số liệu tổng hợp từ Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam đạt 45,49 tỷ USD; tổng vốn thực hiện đạt 20,67 tỷ USD. Khu vực FDI đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế khi chiếm 12% GDP năm 2000; chiếm 30% tổng vốn đầu tư xã hội giai đoạn 1991-2000. Trong giai đoạn này, GDP của Việt Nam tăng bình quân 7,56%/năm, trong đó GDP năm 2000 cao gấp 2,07 lần năm 1990, đưa Việt Nam nằm trong các nền kinh tế trong khu vực có tốc độ tăng trưởng cao. Nhiều tập đoàn lớn trong lĩnh vực công nghiệp bắt đầu đầu tư vào Việt Nam, như: PouChen và Feng Tay (Đài Loan) gia công giày dép, Honda (Nhật Bản) sản xuất xe máy..., đã đặt những nền móng đầu tiên cho ngành chế biến, chế tạo tại Việt Nam.

Giai đoạn 2001-2010, tổng vốn đăng ký đạt 168,88 tỷ USD, tổng vốn thực hiện đạt 58,48 tỷ USD, tương ứng gấp 3,32 và 2,85 lần so với giai đoạn 1991-2000. Khu vực FDI đóng góp quan trọng vào chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu. Năm 2010, khu vực FDI chiếm 18,72% GDP (tính theo giá hiện hành), đóng góp trên 12% thu ngân sách nhà nước, chiếm khoảng 45% tổng giá trị sản xuất công nghiệp, 54,1% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước (39,08 tỷ USD). Đáng chú ý, năm 2006, Việt Nam có những dự án tỷ USD đầu tiên từ nhà sản xuất chip Intel (Mỹ) và tập đoàn thép Posco (Hàn Quốc).

Thu hút FDI lần đầu vượt 10 tỷ USD, đánh dấu sự bùng nổ của làn sóng thứ hai. Năm 2008, lượng vốn đăng ký tiếp tục tăng, lập kỷ lục gần 72 tỷ USD. Đây cũng là năm Samsung - nhà đầu tư FDI lớn nhất của Việt Nam hiện nay - bắt đầu xây dựng nhà máy đầu tiên tại Bắc Ninh.

Giai đoạn 2011-2020, tổng vốn FDI đăng ký đạt 270,69 tỷ USD, tổng vốn thực hiện đạt 152,3 tỷ USD, lần lượt gấp 1,6 lần và gấp 2,6 lần so với giai đoạn 2001-2010. Trong giai đoạn này, từ năm 2014, phương thức mua bán và sáp nhập (M&A) trở thành xu hướng mới của thu hút FDI. Năm 2020, khu vực FDI chiếm tỷ trọng 20% cơ cấu GDP và chiếm khoảng 55% tổng giá trị sản xuất công nghiệp, qua đó đã góp phần hình thành một số ngành công nghiệp chủ lực, như: khai thác dầu khí, điện tử, hóa chất, ô tô, xe máy, công nghệ thông tin, viễn thông, thép, xi măng, chế biến nông sản thực phẩm, da giày, dệt may...

Trong làn sóng thứ ba, vốn FDI không có bước nhảy vọt như những năm 2005-2008, mà tăng ổn định. Đặc biệt, với 15 hiệp định thương mại tự do được ký kết, hội nhập kinh tế của Việt Nam với thế giới đã gia tăng cả chiều rộng và chiều sâu, tạo thuận lợi hơn đối với thương mại và đầu tư quốc tế. Năm 2020, khu vực FDI có tổng kim ngạch xuất - nhập khẩu hàng hóa đạt 422,92 tỷ USD, chiếm 79% tổng kim ngạch thương mại của Việt Nam. Trong đó, xuất khẩu là 204,43 tỷ USD, chiếm 72,3% và nhập khẩu là 218,48 tỷ USD, chiếm 86,6%.

Giai đoạn 2021 đến nay: Từ năm 2021 đến 2023, tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam đạt 94,98 tỷ USD, tổng vốn thực hiện đạt 65,32 tỷ USD. 10 tháng đầu năm 2024, tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam đạt 27,26 tỷ USD, tăng 1,9% so với cùng kỳ năm 2023. Vị thế của Việt Nam trên bản đồ quốc tế về thu hút đầu tư FDI được nâng cao, nhiều tập đoàn đa quốc gia trên thế giới dành sự quan tâm đến Việt Nam. Việt Nam đang đứng trước làn sóng đầu tư thứ 4, với sự chú ý của các “đại bàng” công nghệ, bán dẫn thế giới về xây tổ. Một số tập đoàn lớn, như: Apple, Dell, Foxconn, Pegatron, Nike..., đã thực hiện quá trình

dịch chuyển chuỗi cung ứng sản xuất sang Việt Nam. Trong khi đó, nhiều tập đoàn lớn trong ngành điện tử, bán dẫn, như: Samsung, Synopsys, Qualcomm, Infineon, Amkor, Nvidia..., đang tiếp tục mở rộng đầu tư, chứng tỏ vị thế ngày càng quan trọng của Việt Nam trong chuỗi cung ứng bán dẫn toàn cầu.

Nhìn chung, sau gần 40 năm đổi mới và mở cửa, thu hút vốn FDI của Việt Nam đã có nhiều thành tựu. Những phát triển vượt bậc trong thu hút vốn FDI thời gian qua đã đưa Việt Nam trở thành một trong 20 quốc gia thu hút FDI nhiều nhất thế giới và trở thành địa điểm đầu tư tin cậy và hiệu quả cho các nhà đầu tư nước ngoài. Theo Cục Đầu tư nước ngoài (2024), tính lũy kế đến ngày 31/10/2024, cả nước có 41.501 dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký 492,26 tỷ USD. Vốn thực hiện lũy kế của các dự án FDI ước đạt khoảng 316,76 tỷ USD, bằng 64,3% tổng vốn đầu tư đăng ký còn hiệu lực.

Phân theo ngành, các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 19/21 ngành trong hệ thống phân ngành kinh tế quốc dân. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng cao nhất với hơn 299,8 tỷ USD (chiếm 60,9% tổng vốn đầu tư). Tiếp theo là các ngành: kinh doanh bất động sản với hơn 72,35 tỷ USD (chiếm 14,7% tổng vốn đầu tư); sản xuất, phân phối điện với hơn 41,67 tỷ USD (chiếm 8,5% tổng vốn đầu tư).

Theo đối tác đầu tư, có 148 quốc gia, vùng lãnh thổ hiện có dự án đầu tư còn hiệu lực tại Việt Nam. Trong đó, đứng đầu là Hàn Quốc với tổng vốn đăng ký hơn 87,4 tỷ USD (chiếm 17,8% tổng vốn đầu tư). Singapore đứng thứ hai với hơn hơn 81,1 tỷ USD (chiếm 16,5% tổng vốn đầu tư). Tiếp theo lần lượt là Nhật Bản, Đài Loan, Hồng Kông.

Đến nay, FDI đã có mặt ở tất cả 63 tỉnh, thành phố trong cả nước, trong đó TP. Hồ Chí Minh là địa phương dẫn đầu trong thu hút FDI với hơn 58,3 tỷ USD (chiếm 11,8% tổng vốn đầu tư); tiếp theo là Hà Nội với gần 42,2 tỷ USD (chiếm 8,6% tổng vốn đầu tư); Bình Dương với hơn 42,1 tỷ USD (chiếm 8,6% tổng vốn đầu tư).

VAI TRÒ ĐỘNG LỰC CỦA FDI ĐỐI VỚI NỀN KINH TẾ

Đưa Việt Nam thành trung tâm lắp ráp điện tử của thế giới

Trong gần 4 thập kỷ, khu vực FDI đã đóng góp tích cực cho kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Nếu như ban đầu, phần lớn khoản FDI ban đầu đổ vào lĩnh vực dệt may và giày dép có giá trị gia tăng thấp, thì hiện nay, Việt Nam nhanh chóng thăng hạng trong chuỗi giá trị, phát triển thành trung tâm lắp ráp điện tử quan trọng.

Bằng chứng là, 10 năm trước, FDI vào các ngành chế biến, chế tạo chỉ chiếm khoảng 30%-35% tổng vốn đầu tư, thì giai đoạn 2019-2022 đã tăng lên 40%-50%. Đặc biệt, tính lũy kế đến năm 2023, tỷ lệ vốn



Samsung là nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất tại Việt Nam

đầu tư vào công nghiệp chế biến, chế tạo đã tăng lên gần 50%. 10 tháng đầu năm nay, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo được cấp phép mới đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất với số vốn đăng ký đạt 9,79 tỷ USD, chiếm 64,2% tổng vốn đăng ký cấp mới; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 3,24 tỷ USD, chiếm 21,3%; các ngành còn lại đạt 2,2 tỷ USD, chiếm 14,5%. Vốn đăng ký điều chỉnh có 1.151 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư tăng thêm 8,35 tỷ USD, tăng 41,7% so với cùng kỳ năm trước.

Nếu tính cả vốn đăng ký mới và vốn đăng ký điều chỉnh của các dự án đã cấp phép từ các năm trước, thì FDI đăng ký vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 16,39 tỷ USD, chiếm 69,5% tổng vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 4,41 tỷ USD, chiếm 18,7%; các ngành còn lại đạt 2,78 tỷ USD, chiếm 11,8%.

Đóng góp chủ lực cho xuất khẩu

Trong ba chân kiềng tăng trưởng kinh tế gồm đầu tư, tiêu dùng và xuất khẩu, thì FDI đang đóng góp quan trọng cho khu vực xuất khẩu. Năm 1995, thị phần đóng góp cho xuất khẩu Việt Nam của doanh nghiệp trong nước và nước ngoài lần lượt là 73% và 27%. Gần 30 năm sau, tỷ lệ này đảo ngược.

Theo Tổng cục Thống kê, năm 2023, kim ngạch xuất khẩu của doanh nghiệp FDI đạt 257,2 tỷ USD, chiếm 72,52% kim ngạch xuất khẩu của cả nước. 10 tháng năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của khu vực FDI đạt 241,62 tỷ USD, tăng 12,8%, chiếm 72,0% kim ngạch xuất khẩu của cả nước.

Trong đó, doanh nghiệp FDI góp mặt ở hầu hết nhóm hàng xuất khẩu quan trọng của Việt Nam với nhiều nhóm hàng đạt kim ngạch từ 10 tỷ USD trở lên. Đặc biệt, doanh nghiệp FDI nắm đến 98%-99% giá trị xuất khẩu nhóm hàng công nghệ cao, như: máy vi tính, sản phẩm điện tử, điện thoại, linh kiện.

BẢNG: SỐ LAO ĐỘNG LÀM VIỆC TRONG KHU VỰC FDI

Năm	Số lao động (Ngìn người)	Tỷ lệ % so với tổng lao động trong nền kinh tế
2015	3.197,8	6,0
2017	4.207,8	7,8
2019	4.768,4	8,7
2021	4.586,3	9,3
Sơ bộ 2023	5.261,4	10,3

Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2023

Tạo việc làm và thu nhập cho người lao động

Thời gian qua, số lao động làm việc trong khu vực FDI ngày càng tăng (Bảng). Theo Tổng cục Thống kê, năm 2023, khu vực FDI tạo việc làm cho 5,261 triệu lao động, chiếm 10,3% tổng số lao động của Việt Nam. Bên cạnh tạo việc làm trực tiếp, khu vực FDI cũng gián tiếp tạo việc làm cho rất nhiều lao động trong các ngành công nghiệp hỗ trợ hay các doanh nghiệp khác nằm trong chuỗi cung ứng hàng hóa cho các doanh nghiệp FDI.

Mức lương bình quân của lao động làm việc trong khu vực doanh nghiệp FDI năm 2022 là 12,638 triệu đồng/tháng, cao hơn so với khu vực ngoài nhà nước (10,2 triệu đồng/tháng) và cao hơn mức trung bình của nền kinh tế (11,499 triệu đồng/tháng).

Chuyên giao kinh nghiệm và kỹ thuật cho doanh nghiệp trong nước

Cùng với hoạt động đầu tư của doanh nghiệp FDI, nhiều máy móc, thiết bị, công nghệ được nhập khẩu phục vụ sản xuất; các quy trình kỹ thuật, bí quyết công nghệ và lý thuyết, kinh nghiệm quản lý được chuyên giao cho các kỹ sư, cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý Việt Nam; nhiều công nhân kỹ thuật, cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý người Việt Nam có thể đảm đương tốt các vị trí của lao động nước ngoài. Kết quả trên vừa đem lại lợi ích cho doanh nghiệp khi chi phí nhân công Việt Nam thấp hơn nhiều so với chi phí nhân công từ nước ngoài trong cùng một vị trí công việc, vừa giúp phát triển công nghệ và nguồn nhân lực của Việt Nam, nâng cao năng lực cạnh tranh trong thu hút FDI. Việc nhiều tập đoàn kinh tế lớn có sản phẩm hàm lượng công nghệ cao đến từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ... đầu tư vào Việt Nam, điển hình là tập đoàn Samsung đặt mục tiêu xây dựng cơ sở lớn nhất thế giới của Samsung tại Việt Nam, đã tạo điều kiện rất thuận lợi để tiếp thu và phát triển công nghệ.

Khu vực FDI cũng tạo các hiệu ứng lan tỏa về công nghệ và quản lý, đem lại lợi ích nhất định cho các doanh nghiệp khu vực tư nhân trong nước, khi khu vực tư nhân Việt Nam ngày càng tích cực tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu. Có thể thấy sự phụ thuộc của doanh nghiệp FDI vào các doanh nghiệp tư nhân trong nước đã tăng dần qua các năm, đáng chú ý là mức từ 63,32% năm 2022 lên 75% năm 2023. Các

nhà cung cấp là hộ kinh doanh cũng chiếm tỷ lệ tăng đáng kể, từ 13,42% năm 2022 lên 23,42% năm 2023, theo Báo cáo chỉ số PCI và PGI 2023 của VCCI và USAID (2024).

Ngoài ra, FDI còn tạo ra sự cạnh tranh tích cực cho các doanh nghiệp, bắt buộc các doanh nghiệp nội địa không ngừng nâng cấp công nghệ, nâng cao chất lượng, tìm kiếm, mở rộng thị trường.

MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ

Mặc dù đóng vai trò hết sức quan trọng, nhưng chất lượng thu hút vốn FDI ở Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế, như: các dự án công nghệ cao và mang lại nhiều giá trị gia tăng chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ trong các dự án FDI; chưa thu hút được công nghệ nguồn; thâm dụng lao động còn lớn; liên kết giữa khu vực FDI và khu vực trong nước còn yếu; hiệu ứng lan tỏa từ doanh nghiệp FDI sang các doanh nghiệp trong nước vẫn chưa nhiều... Để phát huy hiệu quả vai trò của nguồn vốn FDI trong thời gian tới, cần quan tâm thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và các văn bản pháp quy có liên quan đến FDI, như: Luật Đất đai, Luật Môi trường, Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp..., phù hợp với thực tiễn của Việt Nam trong giai đoạn mới và phù hợp với thông lệ quốc tế nhằm khắc phục những hạn chế trong việc thu hút và thực hiện FDI. Rà soát, điều chỉnh chính sách thu hút đầu tư FDI trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới có nhiều biến động để phù hợp với xu hướng và chiến lược đầu tư ra nước ngoài của các nước phát triển, các công ty đa quốc gia trong giai đoạn hiện nay.

Việt Nam cần thực hiện chính sách thu hút FDI theo hướng ưu tiên tiếp nhận các dự án ứng dụng công nghệ sản xuất cao, công nghệ cốt lõi, công nghệ hiện đại; đồng thời, thực hiện chế độ khuyến khích các doanh nghiệp FDI chuyên giao công nghệ sản xuất và phương thức quản lý tiên tiến cho các doanh nghiệp trong nước trên cơ sở hài hòa lợi ích, đôi bên cùng có lợi, tạo điều kiện để các doanh nghiệp trong nước từng bước phát triển vươn lên ngang tầm với doanh nghiệp FDI.

Thứ hai, tiếp tục cải cách mạnh mẽ hơn nữa thủ tục hành chính, đơn giản hóa và công khai quy trình, thủ tục hành chính đối với FDI, đảm bảo sự thống nhất các quy trình, thủ tục tại các địa phương, xử lý dứt điểm, kịp thời các vấn đề vướng mắc trong quá trình cấp phép, điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư... tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư FDI.

Bên cạnh đó, rà soát, điều chỉnh, bổ sung danh mục kêu gọi đầu tư FDI phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế ngành, vùng miền và địa phương, đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn đầu tư của từng ngành nghề và từng địa phương, tạo điều kiện để phát huy tốt hiệu quả đầu tư.

Thứ ba, khuyến khích các doanh nghiệp FDI tăng cường kết nối với các doanh nghiệp nội địa, tạo điều



Doanh nghiệp FDI nắm 98%-99% giá trị xuất khẩu nhóm hàng công nghệ cao

kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nội địa liên kết phát triển sản xuất, ứng dụng công nghệ mới, tham gia vào mạng lưới sản xuất, chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

Mặt khác, cần xây dựng khối kinh tế tư nhân với những doanh nghiệp đủ sức đồng hành cùng doanh nghiệp FDI trong chuỗi giá trị, đặc biệt là doanh nghiệp trong ngành công nghiệp phụ trợ đủ chất lượng để có thể tham gia vào các công đoạn sản xuất của nhà đầu tư nước ngoài, bù đắp sự thiếu hụt linh kiện, trở thành môi trường hấp dẫn thu hút và giữ chân dòng vốn FDI.

Đồng thời, tăng cường các hoạt động xúc tiến đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư FDI có thể tiếp cận các thông tin cần thiết mà họ quan tâm một cách chính thống, nhanh chóng và chính xác... giúp các nhà đầu tư dễ dàng chọn lựa và quyết định đầu tư.

Thứ tư, tăng cường hơn nữa công tác đào tạo nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của các doanh nghiệp nói chung, doanh nghiệp FDI nói riêng.

Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ hệ thống giáo dục đào tạo nghề, phối hợp giữa doanh nghiệp và cơ sở đào tạo nghề trong quá trình đào tạo lý thuyết kết hợp với thực hành, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ mới, đáp ứng nhu cầu lao động chất lượng cao của nền kinh tế, đặc biệt nhu cầu của khu vực có vốn FDI. Bên cạnh đó, cần tiếp tục hoàn thiện luật pháp, chính sách về lao động, tiền lương đảm bảo khuyến khích, động viên người lao động một cách thỏa đáng trong quá trình học tập, làm việc, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm hàng hóa, dịch vụ. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2024), *Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài của Việt Nam 10 tháng năm 2024*.
2. Kiều Chinh (2024), *Hành trình 35 năm đầu tư nước ngoài vào Việt Nam: Nhìn lại để bước tiếp*, truy cập từ <https://mekongasean.vn/hanh-trinh-35-nam-dau-tu-nuoc-ngoai-vao-viet-nam-nhin-lai-de-buoc-tiep-34275.html>.
3. Tổng cục Thống kê (2024), *Niên giám Thống kê 2023*, Nxb Thống kê.
4. VCCI và USAID (2024), *Báo cáo chỉ số PCI và PGI 2023*.